

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24-02-2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Tanh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lãm

Bà Nguyễn Thị Mùa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:* Ông Mai Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 51/2021/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc *“tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích A, sinh năm 1982; địa chỉ: 151/12 đường TCH 05, khu phố 10, phường TB, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 19/5, xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Bích A trình bày:

Bà Lê Thị Bích A và ông Phạm Văn B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng

ký kết hôn tại UBND xã ĐH, huyện huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 29 tháng 09 năm 2004. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc. Đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không lo làm ăn, hay đánh đập vợ con. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay. Hiện nay bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Phạm Văn B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà A và ông B có 02 người con chung là cháu Phạm Anh C, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2005; cháu Phạm Lê D, sinh ngày 12 tháng 08 năm 2010. Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Phạm Anh C; cháu Phạm Lê D cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai lập ngày 14 tháng 8 năm 2021 và quá trình hòa giải ngày 08 tháng 12 năm 2021, bị đơn ông Phạm Văn B trình bày:

Ông Phạm Văn B với bà Lê Thị Bích A tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, huyện huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 29 tháng 09 năm 2004. Trong quá trình chung sống thì ông B và bà A sống hạnh phúc với nhau được 13 năm sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông B ham chơi. Nay ông B xét thấy vẫn còn tình cảm với vợ nên ông không đồng ý ly hôn. Ông B yêu cầu Tòa giải quyết cho ông và bà A đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con cái. Ngoài ra ông B không có thêm yêu cầu gì khác.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 người con chung là cháu Phạm Anh C, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2005; cháu Phạm Lê D, sinh ngày 12 tháng 08 năm 2010. Ông B không yêu cầu giải quyết vì ông không đồng ý ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông B không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 12 năm 2021, cháu Phạm Anh C, cháu Phạm Lê D trình bày:

Đối với việc bố, mẹ các cháu là bà A và ông B có mâu thuẫn thì các cháu có biết. Nguyên nhân là do bố các cháu ham chơi đánh bài, về nhà hay đánh đập mẹ. Tuy nhiên, khi bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở cùng với bà A, vì bà A quan tâm và chăm sóc các cháu hơn ông B. Việc cháu C, cháu D có nguyện vọng được sống cùng với bà A là hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa :

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến Anh các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do. Và qua xem xét tại hồ sơ và các tài liệu bà A cung cấp là phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Bích A.

Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Anh C, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2005; cháu Phạm Lê D, sinh ngày 12 tháng 08 năm 2010 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:* Xác định đây là vụ án “tranh chấp ly hôn” do bà Lê Thị Bích A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Phạm Văn B cư trú tại thôn 19/5, xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[1.2] *Về việc vắng mặt đương sự:* Bị đơn ông Phạm Văn B vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ đầy đủ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nên xem như ông B từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp

của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà Lê Thị Bích A cho thấy, bà và ông Phạm Văn B tự nguyện chung sống từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, huyện huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 29 tháng 09 năm 2004. Do đó, quan hệ hôn nhân này được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng ông bà có hạnh phúc. Đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông B không lo làm ăn, hay đánh đập vợ con, sau đó vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay. Lời trình bày này của bà A được ông B thừa nhận trong quá trình thu thập chứng cứ. Bà A cho rằng bà và ông B đã cố gắng hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống chung trở nên căng thẳng. Mặc dù. Tại phiên tòa không có mặt ông B nhưng bà A vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu được ly hôn với ông B. Cho thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà A và ông B có 02 người con chung là cháu Phạm Anh C, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2005; cháu Phạm Lê D, sinh ngày 12 tháng 08 năm 2010. Quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 người con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Về phía cháu C và cháu D cũng có bản lời khai và nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, nghĩ cần thiết phải giao cháu C và cháu D cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích A về “tranh chấp ly hôn”.

2. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bích A được ly hôn với ông Phạm Văn B.

- Về con chung: Giao 02 người con chung là cháu Phạm Anh C, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2005; cháu Phạm Lê D, sinh ngày 12 tháng 08 năm 2010 cho bà Lê Thị Bích A tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa t^hanh niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Bích A phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007679, Quyền số 0154 ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi Anh án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận

- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- UBND xã Đức Hạnh
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Văn Phú Vinh